TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 24/03/2021
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Minh Tân

2. Ông Nguyễn Hùng Cường

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Minh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông Trần Hữu Thọ - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 03 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 362/2020/TLST- HNGĐ, ngày 8/10/2020 về *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2021/QĐXXST – HNGĐ ngày 03/02/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2021/QĐST – DS ngày 26/02/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Thị K, sinh năm 1997;

Địa chỉ: ấp Phú B, xã Phú L, huyện C, tỉnh ĐT.

2. Bị đơn: Huỳnh Văn T, sinh năm 1996;

Địa chỉ: Ấp T, xã Tân B, huyện C, tỉnh ĐT.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Ấp T, xã Tân B, huyện C, tỉnh ĐT.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn và người liên quan vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 03/08/2020, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị K trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2016, chị và anh T do mai mối gặp gỡ

nhau một vài lần không tìm hiểu nhau, được gia đình hai bên tổ chức cưới và chung sống với nhau đến năm 2017 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp. Sau khi chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn về kinh tế, mối quan hệ giữa chị và mẹ anh T cũng không hòa hợp nên dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Thời gian chung sống chị cũng nhiều lần ẳm con về nhà mẹ ruột, anh T cũng động viên chị trở về chung sống. Vào khoảng giữa năm 2020, chị và anh T cải nhau nên chị đã về nhà mẹ ruột sống vì vậy vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay. Hiện nay chị K không còn tình cảm với anh Huỳnh Văn T nên chị xin ly hôn với anh T.

- Về con chung: có 02 con chung tên Huỳnh Ngọc Tố My sinh ngày 23/11/2017 và Huỳnh Ngọc Tố Mỹ sinh ngày 12/03/2019. Chị K yêu cầu được nuôi Tố Mỹ sau khi ly hôn, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con và chị giao Tố My cho anh T nuôi dưỡng sau khi ly hôn, chị cũng không cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa chị K giao 02 con cho anh T nuôi dưỡng sau khi ly hôn, chị T không cấp dưỡng nuôi con (02 con đang sống với anh T).

- Về tài sản chung: chị và anh T có 19 chỉ vàng 24k, thời gian còn chung sống với anh T, anh chị có cho bà Nguyễn Thị Th mượn 19 chỉ vàng 24k. Năm 2020 bà Th đã trả lại cho anh chị 02 chỉ còn giữ lại 17 chỉ. Do tài sản này là tài sản chung của chị và anh T nên chị yêu cầu được chia đôi, chị yêu cầu bà Th phải giao lại cho chị 8,5 chỉ vàng 24k. Đối với 8,5 chỉ vàng còn lại là phần tài sản của anh T nên chị để anh T và bà Th tự giải quyết với nhau.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai bị đơn anh Huỳnh Văn T trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Thời gian chung sống anh thống nhất theo lời trình bày của chị T. Sau khi chung sống vợ chồng sống hạnh phúc đến thời gian sau này thì vợ chồng bất đồng quan điểm, mỗi người một ý không còn hòa hợp như trước nên tình cảm ngày càng phai nhạt vì vậy anh chị đã sống ly thân từ tháng 7/2020 cho đến nay. Hiện nay tình cảm giữa anh và chị K không còn vợ chồng không thể chung sống trở lại được nên chị K xin ly hôn thì anh cũng đồng ý.

- *Về con chung:* có 02 con chung tên Huỳnh Ngọc Tố My sinh ngày 23/11/2017 và Huỳnh Ngọc Tố Mỹ sinh ngày 12/03/2019. Anh T yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con sau khi ly hôn, hiện nay anh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con (02 con đang sống với anh T).

- *Về tài sản chung*: có 19 chỉ vàng 24k, anh chị đã cho mẹ anh là bà Nguyễn Thị Th mượn vào năm 2017, sau khi sinh con anh đã lấy lại sử dụng vào việc mua tả sữa cho con, còn lại 02 chỉ mẹ anh đã trả cho chị K nên số tài sản chung của anh chị cho bà Th mượn thì anh lấy lại và sử dụng hết.

- *Về nợ chung:* không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Biên bản ghi lời khai người có quyền lợi liên quan bà Nguyễn Thị Th trình bày:

Bà có mượn của chị K và anh T 19 chỉ vàng 24k nhưng đã trả được 02 chỉ còn nợ lại 17 chỉ 24k. Do chị K bỏ đi nên bà không đồng ý trả cho chị K 8,5 chỉ

vàng 24k theo yêu cầu của chị K. Trường hợp Tòa án buộc bà phải trả cho chị K 8,5 chỉ vàng 24k thì bà cũng đồng ý trả nhưng bà sẽ trả nhiều lần.

* Tại phiên tòa Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách của người tham gia tố tụng, thu thập đầy đủ chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và thư ký: Tại phiên toà Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 71, 72 BLTTDS. Riêng bị đơn, người liên quan không tham dự phiên hợp và phiên tòa nên không thực hiện theo qui định tại điều Điều 72, 73 BLTTDS.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 luật hôn nhân gia đình: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị K được ly hôn với anh Huỳnh Văn T.

- Về con chung: Căn cứ điều 81 giao 02 cháu Huỳnh Ngọc Tố My và Huỳnh Ngọc Tố Mỹ cho anh T nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Về cấp dưỡng nuôi con: do anh T không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét. Tài sản chung: Căn cứ điều 33, điều 59 Luật hôn nhân gia đình 2014 chấp nhận yêu cầu của chị K buộc bà Th trả lại cho chị K 8,5 chỉ vàng 24k, còn lại 8,5 chỉ vàng 24k bà và anh T tự giải quyết với nhau nếu có tranh chấp sẽ khởi kiện bằng vụ án khác. Về nợ chung: đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị K xin ly hôn với anh Huỳnh Văn T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa chị T và anh T thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện. Anh T có hộ khẩu thường trú tại xã Tân Bình, huyện Châu Thành nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa bị đơn anh Huỳnh Văn T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Th được Tòa án triệu tập nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh T và bà Th.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị K và anh Huỳnh Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc đến thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn về kinh tế, mâu thuẫn từ các mối quan hệ trong gia đình dẫn đến vợ chồng không còn hòa hợp thường hay cải nhau. Tháng 7/2020 chị K về nhà mẹ ruột sinh sống nên vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay.

Xét thấy, từ khi chị K và anh T sống ly thân với nhau đến nay, thời gian cũng đã lâu nhưng anh chị cũng không thể đoàn tụ chung sống lại được, vợ chồng cũng không còn tình cảm với nhau nên chị K ly hôn và anh T cũng đồng ý. Từ đó chứng tỏ rằng mâu thuẫn giữa chị K và anh T đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị K được ly hôn với anh Huỳnh Văn T.

[3] Về con chung: chị K và anh T thống nhất có 02 con chung tên Huỳnh Ngọc Tố My sinh ngày 23/11/2017 và Huỳnh Ngọc Tố Mỹ sinh ngày 12/03/2019. Chị K giao 02 con cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng sau khi ly hôn, chị K không cấp dưỡng nuôi. Anh Huỳnh Văn T cũng có yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con sau khi ly hôn, anh T cũng không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, đến thời điểm xét xử cháu Tố My đã trên 03 tuổi, cháu Tố Mỹ được 02 tuổi; việc giao con cho ai nuôi còn phải xem xét vào điều kiện phát triển toàn diện của trẻ. Mặc dù cháu Tố Mỹ chưa đủ 03 tuổi nhưng từ khi chị K và anh T sống ly thân thì các cháu sống với anh T, gia đình anh T có điều kiện hỗ trợ anh chăm sóc các cháu, thời gian qua các cháu được chăm sóc tốt, cuộc sống của hai cháu tạm ổn định, để đảm bảo cuộc sống bình thường của hai cháu và sự gắn bó tình cảm chị em giữa cháu My và cháu Mỹ. Mặc khác chị K cũng đồng ý giao 02 con cho anh T nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Do đó nên giao hai cháu Tố My và Tố Mỹ cho anh T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: chị K yêu cầu bà Nguyễn Thị Th phải trả lại cho chị 8,5 chỉ vàng 24k. Xét thấy, đây là phần tài sản của chị trong khối tài sản chung của vợ chồng. Anh T, bà Th cũng thống nhất bà Th đã mượn của chị K và anh T 19 chỉ vàng 24k. Anh T lại cho rằng anh đã lấy lại 17 chỉ vàng và sử dụng để mua tả sữa cho con hết nhưng anh không có gì chứng minh. Tuy nhiên bà Th lại thừa nhận còn nợ chị K và anh T 17 chỉ vàng 24k và không đồng ý trả lại phần tài sản cho chị K là 8,5 chỉ vàng 24k do chị K tự ý bỏ đi, trường hợp Tòa án buộc bà phải trả cho chị K 8,5 chỉ vàng 24k thì bà cũng đồng ý trả. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị K. Bà Th quản lý 17 chỉ vàng 24k thì bà Th có trách nhiệm giao lại cho chị K 8,5 chỉ vàng 24k. Đối với 8,5 chỉ vàng 24k là phần tài sản của anh T hiện bà Th đang giữ nhưng anh T không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét, nếu có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về nợ chung: chị K và anh T trình bày vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/TBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc hội. Chị Nguyễn Thị K phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 2.188.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị Th phải chịu 2.188.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như đã phân tích trên là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ điều 33, 38, 51, 53, 55, 59, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/TBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu , nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị K được ly hôn với anh Huỳnh Văn T.

2. Về con chung: giao 02 con chung tên Huỳnh Ngọc Tố My sinh ngày 23/11/2017 và Huỳnh Ngọc Tố Mỹ sinh ngày 12/03/2019 cho anh Huỳnh Văn T tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc sau khi ly hôn. Anh Huỳnh Văn T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Anh Huỳnh Văn T và các thành viên trong gia đình anh T không được cản trở chị Nguyễn Thị K trong việc thăm nôm, chăm sóc, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị K được chia ½ giá trị tài sản chung, do bà Nguyễn Thị Th quản lý toàn bộ tài sản chung 17 chỉ vàng 24k nên bà Th có trách nhiệm giao cho chị k 8,5 chỉ vàng 24k.

4. Về nợ chung*:* chị K, anh T trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: chị Nguyễn Thị K phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 2.188.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị K đã nộp theo biên lai số BI/2019/0008088 và 2.125.000đ theo biên lai thu số BI/2019/0008089 ngày 08/10/2020 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành được chuyển thành án phí chị K phải nộp. Chị Nguyễn Thị K còn phải nộp tiếp 63.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Th phải chịu 2.188.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành dân sự

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp;
- VKS nhân dân huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Chi cục THA dân sự huyện Châu Thành;
- UBND xã T Bình, huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Loan